

**Số: /BC-UBND
(DỰ THẢO)**

Tiểu Cần, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Long Thới năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Công văn số 394/BNN-VPĐP, ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Công văn số 293/UBND-NN, ngày 25/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP, ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 06/8/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 15/4/2021 của Ban Chỉ đạo huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Tiểu Cần năm 2021,

Xét Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 01/11/2021 của UBND xã Long Thới về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Long Thới đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Long Thới, UBND huyện Tiểu Cần báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã Long Thới năm 2021, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (ngày 03/11/2021)

I. VỀ HỒ SƠ

- Tờ trình số 91/TTr-UBND ngày 01/11/2021 của UBND xã Long Thới về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Long Thới đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Báo cáo số 117/BC-UBND ngày 28/10/2021 của UBND xã Long Thới về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2021 của xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 116 /BC-UBND ngày 27/10/2021 của UBND xã Long Thới về tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Long Thới, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Biên bản họp ngày 29/10/2021 của UBND xã Long Thới đề nghị xét, công nhận xã Long Thới đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Báo cáo số 115/BC-UBND ngày 26/10/2021 của UBND xã Long Thới về việc thực hiện các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn xã từ năm 2016 – 2021.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (*kể cả khi điều chỉnh quy hoạch*) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (*có biên bản*).

1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt (*thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*).

b) Kết quả thực hiện

1.1. Xã được UBND huyện phê duyệt Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 về việc phê duyệt nhiệm vụ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Long Thới; Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 28/9//2018 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Long Thới; Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện.

1.2. Có Quyết định ban hành quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới xã Long Thới được phê duyệt tại Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện Tiểu Cần.

* Tổng kinh phí thực hiện: 0,185 tỷ đồng, vốn huyện.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

2.1. Có 100% km đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ($B_{\text{mặt}} \geq 3,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 5\text{m}$) trở lên.

2.2. Có 70% km đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$) trở lên.

2.3. Có 100% km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và có 70% đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{\text{mặt}} \geq 1,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 2\text{m}$) trở lên.

2.4. Có 70% km đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$) trở lên.

2.5. Có 50% km đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng.

2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.

b) Kết quả thực hiện

2.1. Toàn xã có 01 tuyến đường trục xã, liên xã, dài 4 km, chiều ngang 7m (*tuyến quốc lộ 60*) đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt chuẩn theo quy định đã được nhựa hóa, đạt 100%; Thường xuyên được trên đầu tư sửa chữa và nâng cấp đảm bảo chất lượng (*hiện đoạn từ Cầu Cầu Suối đến giáp thị trấn Cầu Quan đang được nâng cấp mở rộng mặt đường rộng 10m và hệ thống thoát nước 2 bên tuyến đường*).

2.2. Xây dựng 05 tuyến đường nhựa ngang 3,5 m tổng chiều dài 5,52 km và 01 cây cầu, tổng kinh phí 9,69 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 08 tuyến đường liên ấp dài 14,12/20,15km, được nhựa hóa đạt cấp kỹ thuật, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm, đạt 70,07%.

2.3. Xây dựng mới 09 tuyến dài 6,67 km, tổng kinh phí 10,21 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay toàn xã có 19 tuyến đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa dài 17,26km, đạt 100%. Trong đó có 14,81//17,26 km được cứng hóa đạt chuẩn theo cấp độ kỹ thuật, đạt 85,81%.

2.4. Xây dựng mới 04 tuyến tổng chiều dài 6,02km, tổng kinh phí 9,32 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay toàn xã có 05 tuyến đường trục chính nội đồng dài 13,52 km, trong đó có 9,52 km được nhựa hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đạt theo quy định, đạt 70,42%.

2.5. Xây dựng mới 03 tuyến đèn đường dài 7,4km, tổng kinh phí 0,94 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay xã có 6/9 tuyến đường liên ấp, liên xã dài 16,8/24,61km có hệ thống đèn chiếu sáng, đạt 68,26%, góp phần phục vụ tốt cho việc đi lại, thể dục rèn luyện sức khỏe và vận chuyển hàng nông sản của người dân được an toàn, đồng thời kéo giảm tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã.

2.6. Hàng năm Ban Chỉ đạo xã thực hiện tốt việc khảo sát và có kế hoạch duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã, đảm bảo không gây mất an toàn giao thông. Cụ thể đã sửa chữa, phát quang nhằm đảm bảo an toàn giao thông được 6 tuyến đường đal ngang 1,5 – 2m, xây mới 02 cây cầu giao thông nông thôn; mở rộng tuyến Quốc lộ 60 ấp Định Phú B đoạn từ Cầu Suối đến giáp thị trấn Cầu Quan đảm bảo có bề mặt $\geq 10\text{m}$, tổng kinh phí 8,11 tỷ đồng.

* Tổng kinh phí thực hiện:	37,98 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn Trung ương:	8,63 tỷ đồng.
+ Vốn NTM	1,62 tỷ đồng
+ Vốn khác	7,01 tỷ đồng
- Vốn địa phương:	25,69 tỷ đồng.
+ Vốn tỉnh:	8,16 tỷ đồng.
+ Vốn huyện:	17,53 tỷ đồng.
- Vốn doanh nghiệp:	0,25 tỷ đồng.
- Vốn dân:	3,41 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên.

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện

3.1. Nạo vét được 01 lượt tuyến kênh cấp 1; 11 lượt tuyến kênh cấp 2 và 72 lượt tuyến kênh cấp 3, tổng chiều dài 104,09 km, khối lượng 593.057 m³, tổng kinh phí 10,81 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay, toàn xã có 78 tuyến kênh dài 172,3 km; có 92 cống, bông đầu mối có nhiệm vụ điều tiết nước đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt phục vụ tưới đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã. Xã có 2417,81/2417,81 ha đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động, đạt 100% diện tích; có 25,83/25,83 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước, chiếm tỷ lệ 100%.

3.2. Ủy ban nhân dân xã phân công công chức nông nghiệp – Môi trường và UBND các ấp thường xuyên kiểm tra theo dõi, quản lý, vệ sinh hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã, đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh. Thực hiện tốt quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ; có 100% cán bộ xã được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ về phòng, chống thiên tai; toàn xã có 29 cụm loa không dây đảm bảo thu, nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời và đầy đủ.

* Tổng kinh phí thực hiện:	10,81 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn địa phương:	10,48 tỷ đồng.

+ <i>Vốn tỉnh:</i>	9,8 tỷ đồng.
+ <i>Vốn huyện:</i>	0,68 tỷ đồng.
- <i>Vốn dân:</i>	0,33 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.

4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt từ 99% trở lên.

b) Kết quả thực hiện

4.1. Kéo mới 5,3 km đường dây hạ thế, kinh phí 2,95 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 20,48 km đường dây trung thế; 91,04 km đường dây hạ thế và 50 trạm biến áp đáp ứng phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn xã, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

4.2. Phát triển mới 221 hộ sử dụng điện, kinh phí 0,66 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay toàn xã có 3.419/3.419 hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn (*có điện kế chính*), đạt 100%.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 4,55 tỷ đồng, trong đó:**

- <i>Vốn Trung ương:</i>	0,43 tỷ đồng.
+ <i>Vốn khác</i>	0,43 tỷ đồng
- <i>Vốn địa phương:</i>	0,25 tỷ đồng.
+ <i>Vốn huyện:</i>	0,25 tỷ đồng.
- <i>Vốn doanh nghiệp:</i>	3,61 tỷ đồng.
- <i>Vốn dân:</i>	0,24 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có từ 70% trở lên trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Công tác đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học được tập trung thực hiện, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của các trường được quan tâm đầu tư xây dựng, trang bị góp phần thực hiện đạt chuẩn các trường quốc gia theo quy định. Cụ thể xây dựng mới trường Mẫu giáo xã Long Thới; bếp ăn và nhà xe (điểm chính); 03 phòng học trường Mẫu giáo xã Long Thới (điểm Định Phú A); 08 phòng chức năng và nhà vệ sinh trường THPT A; 06 phòng chức năng; 01 nhà xe và 02 nhà vệ sinh trường THCS, tổng kinh phí 15,1 tỷ đồng. Đến nay 4/4 điểm trường (*Trường THCS; Trường TH Long Thới A; Trường TH Long Thới B; Trường Mẫu Giáo*) đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đạt 100%. Trong đó có 02 trường đạt chuẩn quốc gia cấp độ I (*Trường THCS; Trường TH Long Thới B*).

* Tổng kinh phí thực hiện:	15,1 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn địa phương:	14,94 tỷ đồng.
+ Vốn tỉnh:	14,78 tỷ đồng.
+ Vốn huyện:	0,16 tỷ đồng.
- Vốn doanh nghiệp:	0,16 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

6. Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

6.3. 100% ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (*cây xanh hoặc hàng rào kiên cố*); có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

6.1. Nhà văn hóa xã gồm 04 phòng chức năng (*có tủ sách, phòng đọc sách, báo và thư viện*); hội trường 300 chỗ ngồi được nâng cấp sửa chữa, kinh phí thực hiện 1,65 tỷ đồng; khu thể thao xã 10.000m² đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể thao của người dân toàn xã.

6.2. Tận dụng hội trường UBND xã, khuôn viên hành chính xã, nhà văn hóa các ấp, sân vận động và các điểm trường làm điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi đảm bảo phục vụ vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

6.3. Xây dựng mới nhà văn hóa ấp Định Phú B và nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa các ấp, tổng kinh phí 1,7 tỷ đồng. Đến nay 8/8 ấp có nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định. Trong đó ấp Cầu Tre, ấp Định Hòa và ấp Định Phú B có khu thể thao riêng đảm bảo diện tích theo quy định; ấp Trinh Phú, ấp Định Phú Tân sử dụng sân bóng đá xã Long Thới làm khu thể thao; ấp Định Bình sử dụng chung khu thể với ấp Định Phú B; ấp Định Phú A và ấp Định Phú C tận dụng trường Tiểu học Long Thới A (*điểm Bàu hoang*) làm khu thể thao chung cho 2 ấp để các ấp sinh hoạt và tổ chức thể thao, phục vụ cộng đồng nhân các dịp lễ, tết,...

6.4. Nhà văn hóa xã, ấp thường xuyên duy tu, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động có hiệu quả, 7/8 ấp có hàng rào cơ bản và 1/8 ấp có hàng rào cây xanh (*ấp Cầu Tre*). Trong khuôn viên các nhà văn hóa có trồng hoa, cây xanh đảm bảo sạch đẹp.

* Tổng kinh phí thực hiện:	3,35 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn địa phương:	3,35 tỷ đồng.
+ Vốn tỉnh:	0,8 tỷ đồng.
+ Vốn huyện:	2,55 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.

7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.

b) Kết quả thực hiện

7.1. Xã có 01 chợ loại III với diện tích 1.189 m² với diện tích nhà lồng chợ 198 m² đảm bảo cho việc buôn bán của người dân. Xây dựng nhà vệ sinh công cộng gồm 02 phòng, diện tích 12m² và hệ thống cấp, thoát nước đảm bảo khô thoáng. Có bố trí nơi để xe và bố trí người giữ xe, đảm bảo an toàn. Có bố trí bình chữa cháy trong khu vực chợ. Được Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần ban hành quyết định thành lập ban quản lý chợ với 07 thành viên; Quyết định phê duyệt nội quy chợ; Phương án bố trí, sắp xếp các ngành hàng và được niêm yết công khai đúng quy định. Có bố trí cân đối chứng tại chợ để nhân dân kiểm tra hàng hóa. Các hàng hóa, dịch vụ kinh doanh tại chợ đều thực hiện đúng quy định.

7.2. Thường xuyên vận động những người buôn bán nhỏ, bán hàng rong tập trung về khu vực chợ xã Long Thới để mua bán, không được mua bán lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè và chấp hành an toàn giao thông, vệ sinh môi trường. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).

b) Kết quả thực hiện

8.1. Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa đang hoạt động tốt đảm bảo cung cấp 02 dịch vụ bưu chính và viễn thông đạt tiêu chuẩn theo quy định. Ngoài ra Bưu điện văn hóa xã còn thực hiện dịch vụ chi trả trợ cấp hưu trí, bảo trợ xã hội.

8.2. Xã có 8/8 ấp đã được cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet. Phát triển mới 683 hộ sử dụng internet, kinh phí 3,07 tỷ đồng nâng đến nay toàn xã có 1.356 hộ dân đăng ký truy cập sử dụng dịch vụ. Trong đó hộ sử dụng dịch vụ mạng Vinaphone: 980 hộ; hộ sử dụng dịch vụ mạng Viettel: 376 hộ.

8.3. Xây mới 01 trạm thu, phát sóng tại khu hành chính xã, kinh phí 0,16 tỷ đồng. Đến nay, xã có trạm truyền thanh và 29 cụm loa không dây (có 05 cụm công suất 200W phát 04 loa, các cụm còn lại mỗi cụm phát 02 loa) được bố trí đều trên

địa bàn 08 áp hoạt động thường xuyên tiếp nhận và truyền tải thông tin 02 buổi/ngày đúng theo quy định.

8.4. Xã luôn ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành (*sử dụng hệ thống điện tử, các phần mềm trong quản lý ISO, đoàn viên, hội viên, ...*). Toàn xã có 21 máy vi tính/ 21 cán bộ, công chức, hệ số máy tính trên cán bộ đạt 01máy/ cán bộ, công chức. Các máy tính đều kết nối mạng Internet đảm bảo cho 100% cán bộ, công chức, viên chức truy cập mạng sử dụng công nghệ thông tin.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 3, 23 tỷ đồng, trong đó:**

- *Vốn Trung ương:* 0,16 tỷ đồng.

+ *Vốn khác* 0,16 tỷ đồng

- *Vốn doanh nghiệp:* 2,73 tỷ đồng.

- *Vốn dân:* 0,34 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm đánh giá.

9.2. Có trên 80% hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

9.1. Hỗ trợ đất ở cho 41 hộ nghèo, với tổng kinh phí 1,327 tỷ đồng. Bên cạnh đó thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chính sách đối với người có công, chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc,...đồng thời chăm lo tốt cho gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn (Trong đó: 43 căn nhà theo Quyết định số 22; 28 căn nhà theo Quyết định số 33; 12 căn nhà đại đoàn kết; 40 căn nhà tình thương và 271 căn dân tự xây). Đến nay trên địa bàn xã không còn nhà tạm, nhà dột nát và hộ không có đất ở.

9.2. Toàn xã có 3.317/3.419 hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ xây dựng đạt 97,01%.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 47,38 tỷ đồng, trong đó:**

- *Vốn Trung ương:* 1,44 tỷ đồng.

+ *Vốn khác* 1,44 tỷ đồng

- *Vốn địa phương:* 2,62 tỷ đồng.

+ *Vốn tỉnh:* 2,52 tỷ đồng.

+ *Vốn huyện:* 0,10 tỷ đồng.

- *Vốn doanh nghiệp:* 1,55 tỷ đồng.

- *Vốn dân:* 41,77 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến 2021 là ≥ 51 triệu đồng/người/năm*).

b) Kết quả thực hiện

Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các ngành đoàn thể tập trung chỉ đạo vận động nhân dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế hộ gia đình gắn với kinh tế hợp tác, xây dựng nhiều mô hình kinh tế làm ăn có hiệu quả, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, giảm nghèo. Xã tiến hành tổ chức thành lập tổ điều tra thu nhập trên tất cả các lĩnh vực theo hướng dẫn của Cục thống kê, kết quả đã điều tra đánh giá được 8/8 ấp đạt 100%. Qua đánh giá, thu nhập bình quân đầu người năm 2021 đạt 65.165.000 đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 (*trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội*) chiếm dưới 2%.

b) Kết quả thực hiện

Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ cho hộ nghèo (Hỗ trợ cho 257 hộ nghèo theo Quyết định 102; Dự án AMD hỗ trợ cho 140 hộ; Dự án Na Uy hỗ trợ 10 hộ dân; cho vay ưu đãi hộ nghèo, cận nghèo và thoát nghèo; tặng 10.610 phần quà cho hộ nghèo và các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn và hỗ trợ covid 19,...). Qua kết quả phúc tra, rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều năm 2021 tổng số toàn xã còn 14 hộ (*trong đó có 11 hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội*), chiếm 0,09%.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 33,26 tỷ đồng, trong đó:**

- Vốn Trung ương:	5,72 tỷ đồng.
+ Vốn khác	5,72 tỷ đồng
- Vốn địa phương:	0,31 tỷ đồng.
+ Vốn tỉnh:	0,31 tỷ đồng.
- Vốn tín dụng:	20,32 tỷ đồng.
- Vốn lòng ghép:	2,1 tỷ đồng.
- Vốn doanh nghiệp:	3,71 tỷ đồng
- Vốn dân:	1,1 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 95% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tạo việc làm mới cho 1.773 lao động đi làm việc trong và ngoài tỉnh; giới thiệu 54 lao động làm việc ở nước ngoài. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 6.851/7.129 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động có việc làm, chiếm tỷ lệ 96,1%.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 3,64 tỷ đồng, trong đó:**

- *Vốn tín dụng: 3,64 tỷ đồng.*

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.

13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.

13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

b) Kết quả thực hiện

13.1. Xã có 02 Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và đảm bảo đúng theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, với các lĩnh vực hoạt động như: San lấp, xây dựng các công trình dân dụng; cung cấp vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc BVTV*), các dịch vụ nạo vét kênh thủy lợi nội đồng, mua bán gia cầm; mua bán hoa; buôn bán thực phẩm,... tổng doanh thu bình quân hàng năm 2020 và năm 2021 đạt 15.754.924.590 đồng. Bên cạnh đó, thành viên Hợp tác xã nông nghiệp Long Thới còn được tỉnh hỗ trợ lúa giống, vật tư từ Dự án phát triển sản xuất lúa an toàn theo hướng nông nghiệp sạch, với kinh phí 0,12 tỷ đồng.

13.2. Xã xây dựng được mô hình sản xuất lúa với diện tích 241,28 ha và mô hình dừa hữu cơ với diện tích 35,7ha. Thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị thông qua Hợp tác xã nông nghiệp Phú Cần ký kết bao tiêu hàng hóa (*Lúa*) và Hợp tác xã nông nghiệp Tân Thành ký kết bao tiêu hàng hóa (*dừa*) là sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo hiệu quả, chất lượng. Đồng thời liên kết với Hợp tác xã nông nghiệp Hùng Tiến ký kết hợp đồng mua phân bón cho 09 tổ hợp tác trồng lúa tại ấp Cầu Tre.

13.3. Xã có xây dựng kế hoạch thực hiện tái cơ cấu cây trồng vật nuôi gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030 là hàng hóa chủ lực của xã gắn với tập trung thực hiện cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2021 – 2025.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt trên 90%; xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất (Trồng rau an toàn kết hợp hệ thống tưới tiết kiệm nước,...)

*** Tổng kinh phí thực hiện: 0,42 tỷ đồng, trong đó:**

- Vốn Trung ương: 0,27 tỷ đồng.

+ Vốn NTM 0,18 tỷ đồng

+ Vốn 135 0,09 tỷ đồng

- Vốn địa phương: 0,02 tỷ đồng.

+ Vốn huyện: 0,02 tỷ đồng.

- Vốn dân: 0,15 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí

14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

14.2. Có trên 90% học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề).

14.3. Không có học sinh bỏ học, không có học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật, chiếm dưới 2%.

14.4. Có trên 65% lao động có việc làm qua đào tạo.

14.5. Có 100% lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp.

b) Kết quả thực hiện

14.1. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi (Theo Quyết định 2682/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND huyện Tiểu Cần); Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; phổ cập giáo dục Tiểu học, Trung học cơ sở mức độ 3 (Theo Quyết định 3864/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND huyện Tiểu Cần).

14.2. Năm học 2020 – 2021 có 149/149 em học sinh tốt nghiệp THCS, đạt 100%, trong đó có 144/149 em học sinh được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc và học nghề, chiếm tỷ lệ 96,64%.

14.3. Năm học 2020 – 2021 có 6/1508 em học sinh bỏ học giữa chừng, chiếm tỷ lệ 0,39% (Trong đó bậc Tiểu học có 2/959 em, đạt 0,21%; bậc Trung học cơ sở có 4/566 em, đạt 0,71%), không có học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.

14.4. Phối hợp tổ chức được 19 lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn, có 532 lao động tham gia, kinh phí 0,89 tỷ đồng. Đến nay trên địa bàn xã có 5185/6851 lao động có việc làm qua đào tạo, đạt 75,68% (Trong đó được cấp chứng chỉ là 2405/6851 lao động đạt 33,74%)

14.5. Phối hợp các ngành chuyên môn của tỉnh, huyện tổ chức được 77 lớp tập huấn chuyển giao KHKT cho 3.217 lao động nông thôn, kinh phí 0,04 tỷ đồng. Hiện. toàn xã có 6.851 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đa số được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp, đạt 100%.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 0,93 tỷ đồng, trong đó:**

- *Vốn địa phương:* 0,93 tỷ đồng.

+ *Vốn huyện:* 0,93 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

15.1. Có trên 90% người dân tham gia BHYT trên dân số theo niên giám thống kê.

15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

15.3. Có dưới 15% trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được đảm bảo; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

b) Kết quả thực hiện

15.1. Toàn xã có 10.878/11.834 người dân tham gia BHYT, đạt tỷ lệ 91,92%.

15.2. Chất lượng khám chữa bệnh cho người dân được quan tâm và cơ sở vật chất y tế được đầu tư, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần chăm sóc sức khỏe cộng đồng đạt chất lượng, hiệu quả. Xã đạt tiêu chí quốc gia về Y tế năm 2018 theo quyết định số 2712/QĐ - UBND ngày 30/12/2019 của chủ tịch UBND tỉnh.

15.3. Chương trình chăm sóc sức khỏe cho trẻ em luôn được quan tâm thực hiện tốt, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng mở rộng bình quân hàng năm đạt yêu cầu. Năm 2021 toàn xã có 17/870 trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, tỷ lệ 1,95%.

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ Y tế ban đầu cho người dân được đảm bảo; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 32,1 tỷ đồng, trong đó:**

- *Vốn Trung ương:* 10,05 tỷ đồng.

+ *Khác* 10,05 tỷ đồng

- *Vốn dân:* 22,05 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1. Có trên 85% áp đạt tiêu chuẩn áp Văn hóa và áp Nông thôn mới.

16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

b) Kết quả thực hiện

16.1. Toàn xã có 8/8 áp được UBND huyện công nhận đạt chuẩn áp văn hóa, nông thôn mới theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh, đạt 100%.

16.2. Năm 2021 thành lập Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, có 22 thành viên; Xã duy trì tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và thu hút nhiều người dân tham gia. Cụ thể: phối hợp tổ chức giao lưu đờn ca tài tử, biểu diễn nhạc cụ Khmer và các hoạt động thể thao như giao lưu bóng đá, bóng chuyền,... Bên cạnh đó, xã có bảo tồn được các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao truyền thống của địa phương như: các trò chơi dân gian, nhạc cụ, đội múa Sadam, nhạc ngũ âm của đồng bào dân tộc khmer và đờn ca tài tử; vận động Nhân dân thực hiện tốt phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*" gắn với xây dựng nông thôn mới; thường xuyên vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã.

17.2. Có trên 99% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh; trong đó có trên 75% hộ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

17.3. Có 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã (*đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng*); Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (*trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là $\geq 70\%$; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác*).

17.7. Có trên 80% hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch.

17.8. Có trên 80% hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

17.9. Có 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

17.10. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (*nếu có*), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.

b) Kết quả thực hiện

17.1. Nâng cấp trạm cấp nước áp Định Phú A, mở rộng 27 tuyến ống, dài 32,7 km, kinh phí 2,36 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn xã có 02 hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung (*01 nhà máy nước, 01 trạm nước sinh hoạt xã*) và các đường ống nước sạch phủ đều 8/8 ấp đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho 100% người dân trên địa bàn xã

17.2. Đến nay trên địa bàn xã có 3.419/3.419 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 100%, trong đó có 2.577/3.419 hộ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung, đạt 75,37%..

17.3. Xã có 111 cơ sở sản xuất, kinh doanh đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, đạt 100%. Hàng năm, UBND xã xây dựng kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn xã, đồng thời thường xuyên phối hợp với cơ quan chuyên môn của huyện thực hiện công tác kiểm tra đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Qua đó kịp thời xử lý những vấn đề mới phát sinh, tránh gây ô nhiễm.

17.4. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hàng tuần cán bộ xã, ấp và Nhân dân tập trung trồng cây xanh, vệ sinh cảnh quan môi trường ở dọc các tuyến lộ, ở khu dân cư, ngõ xóm và các tuyến kênh,... Đến nay xã được UBND huyện công nhận có 02 tuyến đường dài 2,4 km được Ủy ban nhân dân huyện công nhận xanh – sạch – đẹp (tuyến đường Giồng giữa dài 1300m tại quyết định số 3342/QĐ –UBND, ngày 14/12/2017 và tuyến đường Cầu Tre – Định Hòa dài 1100m tại quyết định số 3504/QĐ –UBND, ngày 20/12/2018), có 1.126 hộ có hàng rào cây xanh.

17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang nhân dân, diện tích 5000 m². Tuy nhiên trên địa bàn do có 723 hộ dân tộc khmer, chiếm tỷ lệ 21,15% khi từ trần được hỏa táng tại Chùa Phnô Pring (*có 01 nhà hỏa táng được Ban dân tộc tỉnh Trà Vinh hỗ trợ kinh phí 0,75 tỷ đồng để xây dựng*); có 1.590 hộ dân theo đạo Công giáo, chiếm tỷ lệ 49,33% khi từ trần được an táng trong đất thánh của Nhà thờ (*02 khu đất thánh: Khu đất thánh ấp Định Bình và khu đất thánh thị trấn Cầu Quan*).

17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định, chất thải rắn sinh hoạt được thu gom xử lý đạt 75,05% (Xã có Phương án thu gom và xử lý rác kèm theo giao khoán xe chuyên dụng, thu gom rác cho các hộ sinh sống dọc tuyến Quốc lộ 60, chợ xã và tuyến Giồng Giữa áp Định Phú A của 346/461 hộ.). Trên địa bàn xã được bố trí 16 bể chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật (*dự kiến bố trí thêm 9 bể chứa mới*) bình quân hàng tháng đã thu gom khoảng 30 kg rác thải nguy hại từ bao bì

thuốc bảo vệ thực vật, các chất thải này được thu gom xử lý theo quy định, các chất thải phát sinh được các thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy chuẩn bảo vệ môi trường; xử lý rác thải Y tế và xử lý nước thải tại trạm Y tế đúng theo quy định, hợp đồng xử lý rác thải Y tế số 24/HĐ-TTYT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của TTYT huyện với TYT xã Long Thới. Xã có 02 câu lạc bộ hạn chế sử dụng túi ni long và nói không với đồ nhựa dùng 01 lần với 40 thành viên tại ấp Định Hòa và ấp Định Phú Tân; 8/8 có ấp câu lạc bộ môi trường của hội cựu chiến binh với 134 thành viên; có 01 lò đốt rác tại ấp Định Hòa sử dụng chung cho khoảng 140 hộ và 01 mô hình ủ rác hộ gia đình với 170 thành viên (*được Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ năm 2014 tại ấp Định Hòa: 90 hộ và ấp Định Phú Tân: 50 hộ; Năm 2020 Phòng Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ 30 hộ tại ấp Định Phú B*). Ủy ban nhân dân xã xây dựng quy ước bảo vệ môi trường và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

17.7. Tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân đăng ký xây dựng nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh bằng nhiều hình thức thông qua các nguồn vốn tín dụng, vốn tài trợ, vốn tự có của dân,... Kết quả vận động xây mới 99 hố xí hợp vệ sinh, kinh phí 0,5 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay toàn xã có 3.195/3.419 hộ xây dựng nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt 93,44% (*nhà tiêu được xây dựng khép kín với diện tích phù hợp và không thải trực tiếp ra môi trường*); nhà tắm kín đáo, có mái che; bể, dụng cụ chứa nước không có thành phần độc hại làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người và đảm bảo 3 sạch đúng theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

17.8. Vận động xây dựng 192 hầm biogas, kinh phí 2,88 tỷ đồng. Hiện toàn xã có 1.602/1.794 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 89,23%.

17.9. Toàn xã có 1.265 hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện ký cam kết bảo vệ môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định, đạt 100% (*Trong đó: Lĩnh vực nông nghiệp có 1.147 hộ ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn; lĩnh vực công thương có 38 hộ ký cam kết; lĩnh vực y tế có 80 cơ sở*). Trong đó có 02 cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm và 1.263 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được kiểm tra giám sát và thực hiện ký cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn.

17.10. Trên địa bàn xã có 05 cơ quan đóng trên địa bàn xã đều đảm bảo xanh – sạch – đẹp và được công nhận cơ quan văn minh, đạt 100%.

17.11. Xã sử dụng chung bãi rác với thị trấn Cầu Quan. Có ký kết hợp đồng với Công ty thu gom rác xử lý rác đảm bảo đúng quy định (Hợp đồng số 13/HĐ-PTNMT, ngày 09/6/2021 giữa phòng TN&MT huyện Tiểu Cần và Hợp tác xã xây dựng Môi trường Trà Vinh).

* Tổng kinh phí thực hiện:	6,79 tỷ đồng, trong đó:
- Vốn địa phương:	1,32 tỷ đồng.
+ Vốn tỉnh:	1,24 tỷ đồng.
+ Vốn huyện:	0,08 tỷ đồng.

- *Vốn tín dụng:* 1,46 tỷ đồng.
- *Vốn lòng ghép:* 0,03 tỷ đồng.
- *Vốn doanh nghiệp:* 1,12 tỷ đồng.
- *Vốn dân:* 2,86 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.
- 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- 18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.
- 18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.
- 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện

18.1. Xã có 21/21 cán bộ, công chức (*Thạc sĩ 01, Đại học 18, Cao đẳng 01; Sơ cấp 01*) đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Các cán bộ, công chức xã không bị xử lý kỷ luật.

18.2. Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở: Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (*Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên*) đúng theo quy định.

18.3. Năm 2021 Đảng bộ, chính quyền được Huyện ủy kiểm tra Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

18.4. Năm 2021, các tổ chức chính trị - xã hội của xã được ngành dọc cấp trên kiểm tra đánh giá công nhận đạt loại khá trở lên (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; **Hội Nông dân được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hội Phụ nữ được đánh giá xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;** Đoàn thanh niên được đánh giá xếp loại xuất sắc nhiệm vụ; **Cựu chiến binh được đánh giá xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ**).

18.5. Năm 2021 xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (Theo Quyết định số 7964/QĐ-UBND, ngày 08/11/2021 của UBND huyện Tiểu Cần).

18.6. Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm, đảm bảo. Đến nay, xã có 04/08 nữ tham gia Ban chấp hành Đảng bộ xã, chiếm tỷ lệ 50%. Trong đó có 02 nữ là cán bộ lãnh đạo chủ chốt (*Bí thư Đảng ủy và Phó chủ tịch UBND xã*); 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình, ngân hàng chính sách. Ủy ban nhân dân xã luôn kịp thời kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ và hoạt động có hiệu quả; thời gian qua đã phối hợp với các hội đoàn thể và các ngành cấp trên đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới nhằm tạo ra những chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về bình đẳng giới đối với người dân trên địa bàn xã như: Luật Bình đẳng giới và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật hôn nhân gia đình, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật lao động... tổng số được **142 cuộc có 5.696** lượt cán bộ, hội viên phụ nữ và người dân tham dự; Tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động về công tác phụ nữ và bình đẳng giới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao vai trò, vị trí, tạo mọi điều kiện để phụ nữ phát triển và thực hiện tốt bình đẳng giới trong xã hội; tuyên truyền về kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ, tự phòng ngừa bạo lực xâm hại cho phụ nữ, trẻ em được **11 cuộc, có 605 lượt người tham gia. Đồng thời xây dựng 01 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng để hỗ trợ** cho nhóm đối tượng yếu thế và phụ nữ do Ủy ban nhân dân xã và Hội liên hiệp phụ nữ xã đảm trách. Từ đó, trên địa bàn xã không có tình trạng bạo lực gia đình.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 32,46 tỷ đồng, trong đó:**

- *Vốn tín dụng: 32,46 tỷ đồng.*

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.

19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

19.3. Có trên 90% áp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện

19.1. Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã kịp thời ban hành Nghị quyết, kế hoạch thực hiện công tác Quốc phòng quân sự địa phương. Xây dựng đầy đủ kế hoạch đúng theo quy định. Tổ chức đưa đi và bồi dưỡng kiến thức Quốc phòng – An ninh đạt chỉ tiêu trên giao. Chủ động phối hợp với lực lượng công an theo Nghị định 03 của Chính phủ kịp thời giữ vững an ninh chính trị – trật tự an toàn xã hội. Công tác xây dựng lực lượng DQTV đúng theo biên chế và đúng theo đề án của UBND tỉnh. Quản lý, sử dụng lực lượng đúng theo quy định. Trong đó chất lượng đảng viên

trong lực lượng dân quân tự vệ chiếm 21,01%. Chi bộ quân sự có Chi ủy. Hàng năm đưa đi huấn luyện, tập huấn đầy đủ. Trong nhiệm kỳ tổ chức diễn tập đạt yêu cầu đề ra. Qua tổ chức huấn luyện, diễn tập đã nâng cao khả năng lãnh đạo của cấp ủy Đảng, điều hành của chính quyền, khả năng tổ chức thực hiện của các ngành trong công tác Quốc phòng – An ninh. Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt chỉ tiêu và chất lượng. Tiếp nhận, đăng ký và quản lý quân nhân xuất ngũ đúng theo luật Lực lượng dự bị động viên. Thực hiện tốt công tác chính sách theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện tốt công tác dân vận, tham gia cùng địa phương thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo. Năm 2021 xã được công nhận xã vững mạnh về Quốc phòng - an ninh

19.2. Hàng năm Đảng ủy có đề ra Nghị quyết, UBND xã có xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; xã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã “an toàn về an ninh trật tự” năm 2021. Trên địa bàn xã không có xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài; không xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm so với các năm trước.

19.3. Xã có 8/8 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về ANTT, đạt 100%.

19.4. Hiện trên địa bàn xã có 04 loại mô hình, 08 câu lạc bộ PCTP với 86 thành viên, trong đó: 03 câu lạc bộ “*phát hiện, vây bắt và tố giác tội phạm*” (01 của ấp Định Hòa, 01 của ấp Định Bình và 01 của ấp Định Phú A); 01 CLB “*Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng*” tại cơ sở tôn giáo của Ban quản trị Chùa Phnô Pring ấp Cầu Tre; 03 Câu lạc bộ “*Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại gia đình và cộng đồng dân cư*” (01 của ấp Định Phú C; 01 của ấp Định Phú B và 01 của ấp Trinh Phụ); 01 Câu lạc bộ “*Vận động gây quỹ tái hòa nhập cộng đồng*” của xã. Xã có mô hình liên kết giữa câu lạc bộ “*Vận động gây quỹ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng*” xã Long Thới với câu lạc bộ “*tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng*” tại gia đình và cộng đồng dân cư của Ban nhân dân ấp Định Phú C. Mô hình liên kết được xây dựng quy chế hoạt động từ đầu năm 2021 đến nay vẫn duy trì hoạt động thường xuyên và hiệu quả.

*** Tổng kinh phí thực hiện: 0,52 tỷ đồng, trong đó:**

- *Vốn địa phương: 0,32 tỷ đồng.*

+ *Vốn tỉnh: 0,32 tỷ đồng.*

- *Vốn dân: 0,2 tỷ đồng.*

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

20. Tiêu chí số 20 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.

20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Kết quả thực hiện

20.1. Duy trì và thực hiện tốt công tác cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định, từng bước nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, không gây phiền hà cho Nhân dân. Trong năm tiếp nhận giải quyết 5.495 hồ sơ, trả kết quả hồ sơ đúng hạn đạt 100%. Rà soát, tiến hành xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính cấp xã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. Tiếp nhận 399 văn bản các loại của trên gửi đến; ban hành 735 văn bản chỉ đạo điều hành liên quan đến các lĩnh vực. Thực hiện tốt việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Đồng thời, thực hiện tốt công tác gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống I-Office.

20.2. Xã thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở, những nội dung phải công khai cho dân biết, dân bàn được thực hiện nghiêm túc đúng theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH 11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, nạo vét kênh, bình nghị tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo, ... đều được đưa ra dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Có 8/8 ấp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng, đạt 100%.

20.3. Có 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, trong thực hiện nhiệm vụ có thể hiện tốt đạo đức công vụ như: tác phong, ứng xử, thái độ, ... khi tiếp xúc Nhân dân, đúng theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg, ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

III. VỀ TÌNH HÌNH NỢ ĐÓNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Tính đến thời điểm hiện tại, đơn vị xã Long Thới không còn nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao.

B. KẾT LUẬN

I. VỀ HỒ SƠ

Xã Long Thới có đầy đủ các văn bản theo quy định.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Long Thới đã được UBND huyện Tiểu Cần thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra đạt 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

III. VỀ TÌNH HÌNH NỢ ĐÓNG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Tính đến thời điểm được UBND huyện thẩm tra, đơn vị xã Long Thới không còn nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

C. KIẾN NGHỊ

- Các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã trên địa bàn huyện xem xét, đóng góp ý kiến để UBND huyện hoàn thành báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định.

- Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện xem xét đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua đề nghị công nhận xã Long Thới đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra công nhận xã Long Thới đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.BCD tỉnh;
- VPĐP tỉnh;
- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- BCD huyện;
- VPĐP huyện;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**